

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-NV
V/v triển khai nhiệm vụ cải thiện,
nâng cao điểm số Hoàn thành nhiệm
vụ của huyện năm 2023

Vĩnh Linh, ngày tháng năm 2023

Kính gửi:

- Các phòng ban, đơn vị thuộc UBND huyện;
- Công an huyện;
- Ban chỉ huy Quân sự huyện;
- UBND các xã thị trấn.

Thực hiện Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định tiêu chí đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND huyện, thành phố, thị xã giai đoạn 2023-2025 và Thông báo số 114/TB-SNV ngày 16/08/2023 của Sở Nội vụ tỉnh về kết quả chấm điểm mức độ hoàn thành nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2023. Kết quả trong 6 tháng đầu năm UBND huyện xếp thứ 4/10 huyện, thị xã về điểm số Hoàn thành nhiệm vụ. Để nâng cao điểm số Hoàn thành nhiệm vụ của huyện và xếp loại HTSXNV năm 2023, UBND huyện yêu cầu các cơ quan, đơn vị thực hiện một số nhiệm vụ sau:

I. CÁC NỘI DUNG BỊ MẤT ĐIỂM TRONG CHẤM ĐIỂM 6 THÁNG

1. Các chỉ tiêu về kinh tế

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: Đạt 0/6 điểm
- Kết quả giải ngân năm 2022: Đạt 0/1 điểm
- Số hộ kinh doanh thành lập mới: Đạt 0/3 điểm
- Sản lượng thủy sản: Đạt 0/4 điểm

2. Các chỉ tiêu thuộc lĩnh vực văn hóa - xã hội

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia so với số trường hiện có của 3 cấp học (Mầm non, Tiểu học, THCS): Đạt 0/2 điểm

3. Công tác quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội

- Công tác tuyên, giao quân: Đạt 1/2 điểm (*Thiếu tài liệu kiểm chứng*)
- Công tác phòng, chống tội phạm: Đạt 0/4 điểm
- Công tác đảm bảo an toàn giao thông, giảm tai nạn giao thông: Đạt 0/4 điểm
- Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ, xây dựng cơ sở an toàn làm chủ: Đạt 0/2 điểm

4. Ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan HCNN

- Hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng 6 tháng đầu năm, trừ hồ sơ xử lý theo văn bản mật (*Theo quy trình từ nhận văn bản, xử lý văn bản đến trình xử lý văn bản và ký số trên môi trường mạng*): Đạt 0/5 điểm

II. NHIỆM VỤ CẢI THIỆN ĐIỂM SỐ HTVN NĂM 2023

Để nâng cao điểm số Hoàn thành nhiệm vụ của huyện và xếp loại HTSXNV năm 2023, UBND huyện yêu cầu:

- Các phòng ban, đơn vị có liên quan đến các tiêu chí chấm điểm được phân công ở **Phụ lục** nghiên cứu, bám sát các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm được ban hành theo Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của UBND tỉnh được chi tiết và hướng dẫn tại **Phụ lục** ban hành kèm theo công văn này để tham mưu UBND huyện hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao trên các lĩnh vực chuyên môn được phụ trách. Thời gian hoàn thành các nhiệm vụ để thực hiện chấm điểm trước ngày **30/11/2023**. Số liệu đánh giá được tính đến 15/11/2023 và ước thực hiện đến 31/12/2023.

- **Đối với mục Điểm Cộng và Điểm trừ:** Yêu cầu tất cả các cơ quan, đơn vị nghiên cứu để thực nhằm nâng điểm và tránh vi phạm để không bị mất điểm.

Ngoài ra, cần lưu ý một số nhiệm vụ như sau:

1. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Tham mưu UBND huyện hoàn thành các chỉ tiêu được giao trên các lĩnh vực kinh tế tại Quyết định số 115/QĐ-UBND của UBND tỉnh và Nghị quyết số 343/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND huyện về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 đảm bảo đạt theo yêu cầu. Trong đó, chú trọng các tiêu chí về tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và Giải ngân vốn đầu tư công.

2. Phòng Giáo dục và Đào tạo

Đối với Tiêu chí Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia so với với số trường hiện có của 3 cấp học (Mầm non, Tiểu học, THCS) trong chấm điểm 6 tháng đầu năm chưa cung cấp tài liệu minh chứng về kế hoạch hoặc lộ trình đăng ký trường đạt chuẩn làm cơ sở xác định tỉ lệ trường đạt chuẩn quốc gia so với kế hoạch. Yêu cầu phòng bổ sung, cung cấp trong tài liệu chấm điểm năm 2023

3. Công an huyện, Ban chỉ huy quân sự huyện

Đối với các tiêu chí thuộc lĩnh vực do Công an huyện, Ban chỉ huy quân sự huyện yêu cầu:

- Cung cấp tài liệu kiểm chứng gồm văn bản Kế hoạch triển khai thực hiện và văn bản báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch. Đối với các tiêu chí yêu cầu cung cấp số liệu cụ thể thì liệt kê, trình bày rõ.

- Vì do có một số yêu tố đặc biệt của ngành, đối với các văn bản mật phải cung cấp bản giấy có dấu về UBND huyện (*qua phòng Nội vụ*) để gửi về cho đơn vị thẩm định điểm.

4. Phòng Nội vụ

Tham mưu UBND huyện thực hiện tốt công tác CCHC để nâng điểm số CCHC của huyện.

5. Văn phòng HĐND và UBND huyện

Thường xuyên kiểm tra, đốc thúc nhắc nhở các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy trình xử lý văn bản trên Hệ thống Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc, trừ hồ sơ xử lý theo văn bản mật (*Theo quy trình từ nhận văn bản, xử lý văn bản đến trình xử lý văn bản và ký số trên môi trường mạng*) đạt tỷ lệ 100%.

6. Phòng Tài nguyên và Môi trường

Tham mưu UBND huyện thực hiện và hoàn thành tiêu chí tỷ lệ dân cư sử dụng nước hợp vệ sinh đạt tỷ lệ đã đề ra tại Quyết định số 115/QĐ-UBND của UBND tỉnh và Nghị quyết số 343/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND huyện.

7. Trung tâm Môi trường - Công trình đô thị

Tham mưu UBND huyện thực hiện và hoàn thành tiêu chí xử lý, thu gom rác thải đạt tỷ lệ đã đề ra tại Nghị quyết số 343/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND huyện

8. UBND các xã, thị trấn

Phổ biến, quán triển cho tất cả cán bộ, công chức thuộc đơn vị thực hiện quy trình xử lý văn bản trên Hệ thống Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc, trừ hồ sơ xử lý theo văn bản mật (*Theo quy trình từ nhận văn bản, xử lý văn bản đến trình xử lý văn bản và ký số trên môi trường mạng*) đạt tỷ lệ 100%

Trên đây là một nhiệm vụ trong thời gian tới cần thực hiện để cải thiện, nâng cao điểm số Hoàn thành nhiệm vụ của huyện năm 2023, UBND huyện yêu cầu các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc có thể phản hồi về UBND huyện (*qua phòng Nội vụ*) để được giải đáp và hướng dẫn thêm./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- CT và các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Thái Văn Thành

Phụ lục
PHÂN CÔNG, HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ
ĐỐI VỚI UBND CẤP HUYỆN NĂM 2023

(Kèm theo Công văn số _____ ngày /9/2023 của UBND huyện Vĩnh Linh)

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Cách tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị phụ trách thực hiện
I	KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG AN NINH	165			
A	CÁC CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ	65			
1	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu theo kế hoạch	55			
1.1	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	8	So với chỉ tiêu được giao tại Quyết định 115/QĐ-UBND. - Đạt kế hoạch: 08 điểm - Không đạt kế hoạch: 0 điểm	Báo cáo KT-XH của UBND cấp huyện.	Phòng Tài chính - Kế hoạch
1.2	Tổng sản lượng lương thực có hạt trên địa bàn	6	So với chỉ tiêu được giao tại Quyết định 115/QĐ-UBND. - Đạt kế hoạch: 08 điểm - Không đạt kế hoạch: 0 điểm	Báo cáo KT-XH của UBND cấp huyện.	Phòng Tài chính - Kế hoạch
1.3	Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn huyện	7	- So sánh kết quả đạt được so với Nghị quyết của HĐND, Kế hoạch UBND cấp huyện. - Gồm 3 ngành: nông nghiệp, công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ: + Giá trị sản phẩm hoặc tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp đạt kế hoạch: 02 điểm,	Báo cáo KT-XH của UBND cấp huyện.	Phòng Tài chính - Kế hoạch

			không đạt: 0 điểm + Giá trị sản phẩm hoặc tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp - xây dựng đạt kế hoạch: 03 điểm, không đạt: 0 điểm + Giá trị sản phẩm hoặc tốc độ tăng trưởng ngành thương mại - dịch vụ đạt kế hoạch: 02 điểm, không đạt: 0 điểm.		
1.4	Giải ngân vốn đầu tư công.	10	Gồm 3 phần: - Hồ sơ quyết toán đúng quy định: 01 điểm. - Tổng điểm gồm kết quả giải ngân năm trước và kết quả giải ngân hiện tại: + Kết quả giải ngân năm trước (thời điểm 31/01) đạt 100%: 01 điểm, không đạt 100%: 0 điểm + Giải ngân năm hiện tại: 8 điểm. Đạt tỉ lệ từ 70% trở lên: đạt điểm tối đa; Dưới 70% bằng tỉ lệ giải ngân x 8 điểm/70%	Không (Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ đối chiếu với số liệu do Kho bạc Nhà nước tỉnh cung cấp)	Phòng Tài chính Kế hoạch
1.5	Số xã đạt nông thôn mới theo kế hoạch được phê duyệt	5	- Đạt kế hoạch: 05 điểm - Không đạt kế hoạch: 0 điểm	Báo cáo KT-XH của UBND cấp huyện.	Phòng NN&PTNT
1.6	Số hộ kinh doanh thành lập mới	4	- Bằng hoặc cao hơn năm trước: 04 điểm - Thấp hơn năm trước: 0 điểm	Báo cáo KT-XH của UBND cấp huyện hoặc của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện	Phòng Tài chính Kế hoạch
1.7	Thu nhập bình quân đầu người	5	- Đạt theo kế hoạch của HĐND huyện, UBND huyện: 05 điểm - Không đạt: 0 điểm	Báo cáo KT-XH của UBND cấp huyện.	Phòng Tài chính Kế hoạch
1.8	Sản lượng thủy sản	5	So với chỉ tiêu được giao tại Quyết định 115/QĐ-UBND - Đạt kế hoạch: 08 điểm	Báo cáo KT-XH của UBND cấp huyện hoặc của ngành nông	Phòng Tài chính Kế hoạch

			- Không đạt kế hoạch: 0 điểm	ng nghiệp và phát triển nông thôn	
1.9	Doanh thu bán lẻ hàng hóa	5	- Cao hơn năm trước: 05 điểm - Không cao hơn năm trước: 0 điểm	Báo cáo KT-XH của UBND cấp huyện hoặc của ngành thống kê, công thương	Phòng Tài chính – Kế hoạch
2	Điểm thưởng thực hiện vượt chỉ tiêu theo kế hoạch.	10			
B	CÁC CHỈ TIÊU THUỘC LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI	75			
1	Văn hoá, Thể thao và Du lịch	15			
a	Thực hiện công tác quản lý nhà nước về văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch	3	- Thực hiện tốt: 03 điểm - Khá: 02 điểm - Không tốt: 0 điểm	- Báo cáo KH-XH của UBND cấp huyện hoặc của ngành văn hóa	Phòng Văn hoá và Thông tin
b	Hoàn thành kế hoạch hoạt động sự nghiệp văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch	7			Phòng Văn hoá và Thông tin
-	Đạt tỷ lệ xây dựng thiết chế văn hóa - thể thao cấp huyện, cấp xã so với kế hoạch năm	2	- Đạt kế hoạch năm: 2 điểm - Chưa đạt: 0 điểm	- Văn bản thể hiện Kế hoạch năm. - Báo cáo của UBND cấp huyện hoặc của ngành văn hóa về kết quả đạt được	
-	Đạt tỷ lệ làng, bản, thôn, gia đình được công nhận danh hiệu đơn vị văn hóa so với kế hoạch năm	2	- Đạt kế hoạch năm: 2 điểm - Chưa đạt: 0 điểm	- Văn bản thể hiện Kế hoạch năm. - Báo cáo của UBND cấp huyện hoặc của	

				ngành văn hóa về kết quả đạt được	
-	Tổ chức thành công các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT theo kế hoạch năm	3	- Tổ chức thành công theo kế hoạch: 03 điểm - Không tổ chức: 0 điểm	- Văn bản thể hiện Kế hoạch năm. - Báo cáo của UBND cấp huyện hoặc của ngành văn hóa về kết quả đạt được	
c	Tham gia đầy đủ Giải, Hội thi, Hội diễn về văn hóa, văn nghệ, TDTT do tỉnh tổ chức	3	- Tham gia đầy đủ: 3 điểm - Không đầy đủ: 0 điểm	- Báo cáo của UBND cấp huyện hoặc của ngành văn hóa về kết quả đạt được	Phòng Văn hoá và Thông tin
d	Tổng lượt khách du lịch so với năm trước	2	- Bằng hoặc cao hơn lượng khách năm trước: 02 điểm - Thấp hơn năm trước: 0 điểm	- Báo cáo của UBND cấp huyện hoặc của ngành văn hóa, thể thao và du lịch về kết quả đạt được	Phòng Văn hoá và Thông tin
2	Xã hội	10			
a	Giảm tỷ lệ hộ nghèo so với kế hoạch	3	So với chỉ tiêu được giao tại Quyết định 115/QĐ-UBND - Đạt kế hoạch: 03 điểm - Không đạt kế hoạch: 0 điểm	- Báo cáo của UBND cấp huyện hoặc của ngành lao động, thương binh và xã hội	Phòng Lao động - TB&XH
b	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	3	- Đạt kế hoạch theo Nghị quyết HĐND cấp huyện, kế hoạch UBND cấp huyện: 03 điểm - Không đạt: 0 điểm	- Báo cáo của UBND cấp huyện hoặc của ngành y tế, ngành bảo hiểm xã hội	Phòng Y tế
c	Số lao động được giải quyết việc	4	- Số lao động được giải quyết việc làm đạt kế		Phòng Lao động -

	làm/số lao động trong độ tuổi.		hoạch năm: 4 điểm - Không đạt kế hoạch: 0 điểm	- Báo cáo của UBND cấp huyện hoặc của ngành lao động, thương binh và xã hội	TB&XH
3	Giáo dục và Đào tạo	15			
a	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia so với với số trường hiện có của 3 cấp học (Mầm non, Tiểu học, THCS)	3	- Đạt kế hoạch: 03 điểm - Không đạt: 0 điểm	- Kế hoạch của UBND cấp huyện hoặc của ngành giáo dục và đào tạo. - Báo cáo của UBND huyện hoặc của ngành giáo dục và đào tạo	Phòng Giáo dục và Đào tạo
b	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	3	- Đạt kế hoạch: 03 điểm - Không đạt: 0 điểm	- Kế hoạch của UBND cấp huyện hoặc của ngành giáo dục và đào tạo. - Báo cáo của UBND huyện hoặc của ngành giáo dục và đào tạo	Phòng Giáo dục và Đào tạo
c	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi bậc tiểu học	3	- Đạt kế hoạch: 03 điểm - Không đạt: 0 điểm	- Kế hoạch của UBND cấp huyện hoặc của ngành giáo dục và đào tạo. - Báo cáo của UBND huyện hoặc của ngành giáo dục và đào tạo	Phòng Giáo dục và Đào tạo
d	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi bậc THCS	3	- Đạt kế hoạch: 03 điểm - Không đạt: 0 điểm	- Kế hoạch của UBND cấp huyện hoặc của ngành giáo dục và đào tạo.	Phòng Giáo dục và Đào tạo

				- Báo cáo của UBND huyện hoặc của ngành giáo dục và đào tạo	
đ	Có học sinh đạt giải cấp tỉnh trở lên (<i>Có học sinh đạt giải: có điểm thưởng; không có học sinh đạt giải: không điểm thưởng</i>).	3	- Có học sinh đạt giải quốc gia: 03 điểm - Có học sinh đạt giải tỉnh, không có học sinh đạt giải quốc gia: 02 điểm	- Báo cáo của ngành giáo dục và đào tạo hoặc văn bản khác chứng minh	Phòng Giáo dục và Đào tạo
4	Y tế	15			
a	Tỷ lệ trạm xá xã có bác sỹ so với số xã hiện có	2	- Đạt kế hoạch: 02 điểm - Không đạt: 0 điểm	- Kế hoạch của UBND cấp huyện hoặc của ngành y tế. - Báo cáo của UBND huyện hoặc của ngành y tế	Phòng y tế
b	Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về Y tế so với số xã hiện có	3	- Đạt kế hoạch: 03 điểm - Không đạt: 0 điểm	- Kế hoạch của UBND cấp huyện hoặc của ngành y tế. - Báo cáo của UBND cấp huyện hoặc của ngành y tế	Phòng y tế
c	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế so với tổng số dân hiện có	4	- Đạt kế hoạch: 04 điểm - Không đạt: 0 điểm	- Kế hoạch của UBND cấp huyện hoặc của ngành y tế, ngành bảo hiểm xã hội - Báo cáo của UBND cấp huyện hoặc của ngành y tế, ngành bảo hiểm xã hội	Phòng y tế
d	Kiểm soát, phòng chống dịch bệnh	3	- Thực hiện tốt: 03 điểm	- Kế hoạch của UBND	Phòng y tế

	và đáp ứng các điều kiện y tế cộng đồng.		- Để xảy ra dịch bệnh nhưng không chế được: 01 điểm - Thực hiện không tốt: 0 điểm	cấp huyện hoặc của ngành y tế. - Báo cáo của UBND cấp huyện hoặc của ngành y tế	
đ	Thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm	3	- Thực hiện tốt: 03 điểm - Để xảy ra ngộ độc thực phẩm: 0 điểm	- Kế hoạch của UBND cấp huyện hoặc của ngành y tế. - Báo cáo của UBND cấp huyện hoặc của ngành y tế	Phòng y tế
5	Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội	10			
a	Phòng chống tệ nạn ma túy	3	- 100% xã, phường, thị trấn không có tệ nạn ma túy hoặc số vụ phạm tội về ma túy được phát hiện, bắt giữ tăng từ 5% so với năm trước: đạt điểm tối đa - Giữ vững/giảm số xã, phường thị trấn có tệ nạn ma túy (tổng số xã, phường, thị trấn không có tệ nạn ma túy chưa đạt 100%) hoặc số vụ phạm tội về ma túy được phát hiện, bắt giữ tăng dưới 5% so với năm trước: đạt ½ số điểm - Tăng số xã, phường, thị trấn có tệ nạn ma túy hoặc số vụ phạm tội về ma túy được phát hiện, bắt giữ giảm so với năm trước: 0 điểm	- Kế hoạch của UBND cấp huyện hoặc của ngành Công an. - Báo cáo của UBND cấp huyện hoặc của ngành Công an	- Công an huyện - Phòng Lao động - TB&XH
b	Phòng chống tệ nạn mại dâm	2	- Không có: đạt điểm tối đa - Giảm so với năm trước hoặc số vụ việc phát hiện và bắt giữ thành công đạt cao hơn năm trước: đạt ½ số điểm - Tệ nạn tăng: 0 điểm	- Kế hoạch của UBND cấp huyện hoặc của ngành Công an. - Báo cáo của UBND cấp huyện hoặc của	- Công an huyện - Phòng Lao động - TB&XH

				ngành Công an	
c	Phòng chống tệ nạn cờ bạc	3	<ul style="list-style-type: none"> - Không có: đạt điểm tối đa - Giảm so với năm trước hoặc số vụ việc phát hiện và bắt giữ thành công đạt cao hơn năm trước: đạt ½ số điểm - Tệ nạn tăng: 0 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch của UBND cấp huyện hoặc của ngành Công an. - Báo cáo của UBND cấp huyện hoặc của ngành Công an 	- Công an huyện
d	Phòng chống các tệ nạn khác	2	<ul style="list-style-type: none"> - Không có: đạt điểm tối đa - Giảm so với năm trước hoặc số vụ việc phát hiện và bắt giữ thành công đạt cao hơn năm trước: đạt ½ số điểm - Tệ nạn tăng: 0 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch của UBND cấp huyện hoặc của ngành Công an. - Báo cáo của UBND cấp huyện hoặc của ngành Công an 	- Công an huyện - Phòng Lao động - TB&XH
6	Bảo vệ môi trường	10			
a	Công tác bảo vệ môi trường, thực hiện phong trào “xanh-sạch-đẹp” trong các cơ quan, trường học, bệnh viện, làng, xã. . .	3	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đạt mức độ Tốt: 3 điểm - Mức độ Khá: 2 điểm - Mức độ Trung bình: 1 điểm - Mức độ yếu: 0 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch của UBND cấp huyện hoặc của ngành tài nguyên và môi trường. - Báo cáo của UBND cấp huyện hoặc của ngành tài nguyên và môi trường 	- Phòng Tài nguyên và Môi trường
b	Tỷ lệ che phủ rừng	1	<p>Căn cứ Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND tỉnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt kế hoạch: 01 điểm - Không đạt kế hoạch: 0 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch của UBND cấp huyện hoặc của ngành tài nguyên và môi trường. - Báo cáo của UBND cấp huyện hoặc của ngành tài nguyên và 	- Phòng Tài nguyên và Môi trường

				môi trường	
c	Xử lý, thu gom rác thải	2	- Đạt kế hoạch theo Nghị quyết HĐND cấp huyện, Kế hoạch của UBND cấp huyện (xử lý rác thải: 01 điểm, xử lý chất thải rắn: 01 điểm), không đạt kế hoạch: 0 điểm	- Kế hoạch của UBND cấp huyện hoặc của ngành tài nguyên và môi trường. - Báo cáo của UBND cấp huyện hoặc của ngành tài nguyên và môi trường	- Trung tâm MT-CTĐT
d	Tỷ lệ dân cư sử dụng nước hợp vệ sinh	2	- Căn cứ Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND tỉnh. + Đạt kế hoạch: 02 điểm + Không đạt kế hoạch: 0 điểm - Đối với thành phố Đông Hà, huyện Cồn Cỏ (không giao chỉ tiêu theo Quyết định số 115/QĐ-UBND): Tỷ lệ dân cư sử dụng nước hợp vệ sinh duy trì hoặc cao hơn năm trước: 02 điểm, thấp hơn năm trước: 0 điểm	- Kế hoạch của UBND cấp huyện hoặc của ngành tài nguyên và môi trường. - Báo cáo của UBND cấp huyện hoặc của ngành tài nguyên và môi trường	- Phòng Tài nguyên và Môi trường - Phòng NN và PTNT
đ	Bảo vệ nguồn nước và môi trường không khí	2	- Thực hiện tốt: 02 điểm - Không thực hiện tốt, để xảy ra các sự cố môi trường: 0 điểm	- Kế hoạch của UBND cấp huyện hoặc của ngành tài nguyên và môi trường. - Báo cáo của UBND cấp huyện hoặc của ngành tài nguyên và môi trường	- Phòng Tài nguyên và Môi trường
C	CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG - AN NINH, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI	25			

1	Công tác tuyển, giao quân.	2	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện tốt, giao quân đạt 100 chỉ tiêu: 02 điểm - Không thực hiện tốt hoặc giao quân không đạt 100% chỉ tiêu: 0 điểm - UBND huyện Cần Cỏ (nếu không thực hiện việc giao quân) áp dụng chỉ tiêu thay thế là: Thực hiện công tác huấn luyện. Thực hiện tốt: 02 điểm, khá: 01 điểm, không tốt: 0 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của UBND cấp huyện hoặc của ngành Quân sự 	<ul style="list-style-type: none"> - Công an huyện - Ban Chỉ huy quân sự huyện
2	Công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn	5	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đạt mức độ Tốt: 5 điểm - Mức độ Khá: 3 điểm - Mức độ Trung bình: 1 điểm - Để xảy ra thiệt hại về người vì lý do chủ quan: 0 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của UBND cấp huyện hoặc của ngành Quân sự, Công an 	<ul style="list-style-type: none"> - Công an huyện - Ban Chỉ huy quân sự huyện - Phòng NN và PTNT
3	Phòng chống cháy nổ, cháy rừng	3	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đạt mức độ Tốt: 3 điểm - Mức độ Khá: 2 điểm - Mức độ Trung bình: 1 điểm - Để xảy ra cháy nổ hoặc cháy rừng: 0 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của UBND cấp huyện hoặc của ngành Quân sự, Công an, Nông nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> - Công an huyện - Ban Chỉ huy quân sự huyện - Phòng NN và PTNT
4	Đảm bảo tốt công tác an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương	3	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện tốt: 03 điểm - Chưa tốt: 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo của UBND huyện hoặc của ngành Quân sự, Công an (có số liệu) 	<ul style="list-style-type: none"> - Công an huyện - Ban Chỉ huy quân sự huyện
5	Phòng, chống tội phạm	5	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đạt mức độ Tốt, triệt phá các vụ án phức tạp được ghi nhận: 5 điểm - Thực hiện tốt: 04 điểm - Mức độ Khá: 3 điểm - Không tốt (tội phạm hoạt động gây hoang mang trong nhân dân, có phản ánh trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng chưa xử lý): 0 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của UBND cấp huyện hoặc của ngành Công an 	<ul style="list-style-type: none"> - Công an huyện

6	Công tác đảm bảo an toàn giao thông, giảm tai nạn giao thông.	5	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm 03 tiêu chí (số vụ, số người chết, số người bị thương) hoặc không xảy ra tai nạn giao thông: 05 điểm - Giảm 02 tiêu chí: 02 điểm - Giảm 01 tiêu chí: 01 điểm - Không giảm tiêu chí nào: 0 điểm 	- Báo cáo của UBND cấp huyện hoặc của ngành Công an, giao thông	- Công an huyện
7	Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTK, xây dựng cơ sở an toàn làm chủ.	2	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện tốt: 02 điểm - Còn có mặt chưa tốt: 0 điểm 	- Báo cáo của UBND cấp huyện hoặc của ngành Quân sự, Công an	- Công an huyện - Ban Chỉ huy quân sự huyện
II	KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (theo Quyết định công bố kết quả Chỉ số CCHC của UBND tỉnh; Cách tính điểm: Kết quả chỉ số CCHC của đơn vị x điểm tối đa/100%)	50	Tính điểm theo công thức: Kết quả chỉ số CCHC năm 2023 của đơn vị * 50 điểm/100% (Căn cứ theo Quyết định công bố kết quả Chỉ số CCHC cấp sở, cấp huyện năm 2023 của UBND tỉnh)		- Phòng Nội vụ
III	KẾT QUẢ CÔNG TÁC TIẾP DÂN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO	20			
1	Tổ chức công tác tiếp dân theo quy định (các trường hợp không được quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 4 của Luật Tiếp công dân thì trừ vào điểm tổng)	5	<ul style="list-style-type: none"> - Đúng quy định: 5 điểm - Không đúng quy định: 0 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch tiếp công dân; - Thông báo lịch tiếp công dân định kỳ; - Thông báo kết quả tiếp công dân định kỳ (nếu có); - Báo cáo kết quả công tác tiếp công dân định kỳ theo quy định của 	- Văn phòng HĐND và UBND - Thanh tra huyện

				UBND tỉnh và Thanh tra Chính phủ (BC năm) - Kết quả theo dõi của Thanh tra tỉnh.	
2	Giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền	15			Thanh tra huyện
a	<i>Tiếp nhận và xử lý đơn thư thuộc thẩm quyền (tỷ lệ đơn thư được giải quyết/Đơn thư tiếp nhận đúng thẩm quyền giải quyết)</i>	5	Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa, trong đó: - a là tổng số đơn thư tiếp nhận thuộc thẩm quyền giải quyết - b là tổng số đơn thư đã được giải quyết	- (b) Thông báo thụ lý đơn KN, TC thuộc thẩm quyền; - (a) Báo cáo giải quyết khiếu nại tố cáo định kỳ theo quy định (BC năm); - Kết quả theo dõi của Thanh tra tỉnh.	
b	<i>Kết quả giải quyết đơn thư (tỷ lệ đơn thư giải quyết đúng quy định pháp luật được đối tượng tuân thủ thực hiện/Tổng số đơn thư được giải quyết); Đồng thời các đơn thư giải quyết không dứt điểm, để khiếu nại nhiều lần hoặc vượt cấp bị trừ điểm ở mục điểm trừ.</i>	10	Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa, trong đó: - a là tổng số đơn thư đã được giải quyết - b là tổng số đơn thư đã được giải quyết đúng quy định pháp luật được đối tượng tuân thủ thực hiện <i>* Các đơn thư giải quyết không dứt điểm, để khiếu nại nhiều lần hoặc vượt cấp (nếu có) bị trừ điểm ở mục VIII</i>	- (a, b) Quyết định giải quyết khiếu nại; Kết luận nội dung tố cáo. - (a) Báo cáo giải quyết khiếu nại tố cáo định kỳ theo quy định (BC năm); - BC vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng, phức tạp kéo dài (trong kỳ đánh giá) - Kết quả theo dõi của Thanh tra tỉnh.	
IV	THỰC HIỆN QUY ĐỊNH CỦA	45			

ĐẢNG, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VỀ XÂY DỰNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VÀ KỸ LUẬT, KỸ CƯƠNG HÀNH CHÍNH					
1	Thực hiện các nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao	15	Tính điểm theo công thức: (b/(a+c)) * điểm tối đa, trong đó: - a là tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành; - b là nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn và đảm bảo yêu cầu quy định; - c là nhiệm vụ quá hạn đang thực hiện (trong kỳ thống kê).	- Căn cứ kết quả trên phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ của tỉnh https://theodoichidao.queangtri.gov.vn - Kết quả theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh	- Văn phòng HĐND và UBND
2	Ban hành kế hoạch và thực hiện các quy định về quy chế dân chủ (bao gồm cả quy chế chi tiêu nội bộ, hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân), công tác dân vận chính quyền.	5			Phòng Nội vụ
a	Ban hành kế hoạch đúng thời gian và yêu cầu quy định	2	- Kế hoạch công tác QCDC năm 2023: 0.75 điểm; - Kế hoạch công tác DVCQ năm 2023: 0.75 điểm: + Mỗi KH đúng quy định về nội dung và thời gian: điểm tối đa; + Mỗi KH chưa đúng quy định: 0,5 điểm. - Các văn bản khác theo hướng dẫn của Sở Nội vụ 6 tháng đầu năm 2023: 0,5 điểm (mỗi văn bản 0,25 điểm, tối đa không quá 0,5 điểm)	- Kế hoạch công tác QCDC năm 2023; Kế hoạch công tác DVCQ năm 2023; - Các văn bản phát sinh khác theo hướng dẫn của Sở Nội vụ; - Kết quả theo dõi của Sở Nội vụ.	
b	Kết quả thực hiện (theo báo cáo năm trước)	3	- BC công tác QCDC đúng nội dung và thời gian: 1 điểm;	- Báo cáo công tác QCDC 6 tháng và năm 2023;	

			<ul style="list-style-type: none"> - BC công tác DVCQ năm 2023 đúng nội dung và thời gian: 1 điểm; - Không ban hành Báo cáo: 0 điểm - Các báo cáo khác theo hướng dẫn của Sở Nội vụ năm 2023: 1 điểm (mỗi văn bản 0,5 điểm, tối đa không quá 1 điểm) 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác DVCQ 6 tháng và năm 2023; - Báo cáo đột xuất; - Kết quả theo dõi của Sở Nội vụ. 	
3	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hoá công sở và sử dụng hiệu quả thời gian làm việc.	6	<ul style="list-style-type: none"> - Có xây dựng kế hoạch, thành lập đoàn đi kiểm tra việc chấp hành kỷ luật kỷ cương hành chính và sử dụng hiệu quả thời gian làm việc: 2 điểm - Thực hiện đạt mức độ Tốt: 4 điểm (không có CBCCVC vi phạm); Mức độ Khá: 2 điểm (Tỷ lệ CBCCVC vi phạm dưới 2 %); Mức độ Trung bình: 0 điểm (Tỷ lệ CBCCVC vi phạm trên 2%) 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả đánh giá của địa phương; - Báo cáo của đoàn kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính của địa phương. - Kết quả theo dõi của Thanh tra Sở Nội vụ. - Thông tin phản ánh từ báo chí và các phương tiện thông tin đại chúng, đơn thư khiếu nại của người dân. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng Nội vụ - Các phòng ban đơn vị, UBND các xã, thị trấn
4	Tổ chức thực hiện Đề án Văn hóa công vụ theo Kế hoạch triển khai thực hiện của UBND tỉnh	4	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành Quy chế làm việc; nội quy văn hóa công sở: 2 điểm: Đúng quy định: 2 điểm; Chưa đúng quy định: 1 điểm; Không thực hiện: 0 điểm. - Báo cáo kết quả thực hiện các quy định, quy chế liên quan đến chấp hành kỷ luật, kỷ cương, văn hóa công sở trong cơ quan HCNN: 2 điểm: Đúng quy định: 2 điểm; Chưa đúng quy định: 1 điểm; Không thực hiện: 0 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị; - Nội quy văn hóa công sở. - BC kết quả về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong CQ HCNN các cấp (2 BC/năm) - Kết quả theo dõi của Sở Nội vụ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng Nội vụ

5	Kết quả thực hiện các quy định về phòng chống tham nhũng (<i>Báo cáo công tác phòng chống tham nhũng và kết quả thực hiện theo kế hoạch, theo báo cáo năm trước liền kề</i>)	5	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thực hiện: 1 điểm (BC đúng quy định: 1 điểm, BC chưa đúng quy định: 0,5 điểm; Không có BC: 0 điểm) - Kết quả thực hiện theo Kế hoạch tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$, trong đó: + a là số nhiệm vụ theo kế hoạch + b là số nhiệm vụ đã thực hiện Không ban hành kế hoạch: 0 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch thực hiện các quy định về phòng chống tham nhũng năm; - Báo cáo kết quả thực hiện các quy định về phòng chống tham nhũng định kỳ theo quy định; - Kết quả theo dõi của Thanh tra tỉnh. 	Thanh tra huyện
6	Kết quả thực hiện các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (<i>Báo cáo công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và kết quả thực hiện theo kế hoạch, theo BC năm trước liền kề</i>)	5	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thực hiện: 1 điểm (BC đúng quy định: 1 điểm, BC chưa đúng quy định: 0,5 điểm; Không có BC: 0 điểm) - Kết quả thực hiện theo Kế hoạch: 4 điểm: Tính điểm theo tỷ lệ kết quả đạt được (số nhiệm vụ đã thực hiện/số nhiệm vụ theo kế hoạch)*4 điểm/100 (Không ban hành kế hoạch: 0 điểm) 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023; - Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023; - Kết quả theo dõi của Sở Tài chính. 	Phòng Tài chính - Kế hoạch
7	Báo cáo tình hình công khai ngân sách nhà nước của đơn vị gửi Sở Tài chính (<i>theo báo cáo năm trước liền kề</i>)	5	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đúng quy định: 5 điểm; - Báo cáo chưa đúng quy định: 2 điểm; - Không có BC: 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> Trích yếu báo cáo công khai dự toán NSNN năm 2023 và BC công khai tình hình thực hiện NSNN năm 2022 của đơn vị - Kết quả theo dõi của Sở Tài chính. 	Phòng Tài chính - Kế hoạch
V	KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CẢI THIỆN CÁC CHỈ SỐ CỦA TỈNH (PAR INDEX, PCI, PAPI, SIPAS)	35			

1	Kết quả thực hiện kế hoạch cải thiện các chỉ số hàng năm (sau khi UBND tỉnh tổ chức hội nghị đánh giá, phân tích kết quả các Chỉ số của tỉnh)	5	<p>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - a là tổng số nhiệm vụ của Kế hoạch - b là tổng số nhiệm vụ đã thực hiện theo Kế hoạch <p>Không ban hành kế hoạch: 0 điểm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch cải thiện các Chỉ số của đơn vị; - BC kết quả thực hiện các nội dung theo KH (BC riêng hoặc lồng ghép trong BC CCHC định kỳ); - Kết quả theo dõi của Sở Nội vụ (Chỉ số PAR Index, PAPI, SIPAS); - Kết quả theo dõi của Sở KH&ĐT (Chỉ số PCI). 	<p>- Phòng Tài chính - Kế hoạch phụ trách chỉ số PCI</p> <p>- Phòng Nội vụ phụ trách các chỉ số PAR Index, PAPI, SIPAS</p>
2	Các đơn vị được giao chủ trì và phối hợp thực hiện các tiêu chí thành phần của Chỉ số PCI (tính điểm theo kết quả xếp loại của các tiêu chí phụ trách hoặc phối hợp so với năm trước)	4	<ul style="list-style-type: none"> - Năm 2022 kết quả PCI của tỉnh xếp hạng 59/63: Chấm điểm tối đa là 3 điểm: Đa số các tiêu chí phụ trách đều cải thiện vị trí xếp hạng hoặc duy trì ở top 20 đứng đầu: 3 điểm; Số tiêu chí tăng và số tiêu chí giảm tương đương: 1,5 điểm; Tiêu chí giảm nhiều hơn tiêu chí tăng: 0,5 điểm; Tất cả các tiêu chí đều giảm: 0 điểm - Các đơn vị tự rà soát theo Báo cáo PCI 2022 của VCCI 	Không (căn cứ vào Báo cáo PCI 2022 của VCCI)	Phòng Tài chính - Kế hoạch
3	Các tiêu chí liên quan đến doanh nghiệp (thành phần của Chỉ số PCI; tính điểm theo kết quả xếp loại của các tiêu chí liên quan đến doanh nghiệp so với năm trước)	4	<ul style="list-style-type: none"> - Năm 2022 kết quả PCI của tỉnh xếp hạng 59/63: Chấm điểm tối đa là 3 điểm: Đa số các tiêu chí liên quan đều cải thiện vị trí xếp hạng hoặc duy trì ở top 20 đứng đầu: 3 điểm; Số tiêu chí tăng và số tiêu chí giảm tương đương: 1,5 điểm; Tiêu chí giảm nhiều hơn tiêu chí tăng: 0,5 điểm; Tất cả các tiêu chí đều giảm: 0 điểm 	Không (căn cứ vào Báo cáo PCI 2022 của VCCI)	Phòng Tài chính - Kế hoạch

			- Các đơn vị tự rà soát theo Báo cáo PCI 2022 của VCCI		
4	Kết quả giải quyết các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp liên quan đến ngành, lĩnh vực (nếu trong năm doanh nghiệp liên quan đến ngành, lĩnh vực không có khó khăn, vướng mắc thì trừ điểm của tiêu chí này vào điểm tổng) Trong năm nếu đơn vị có tổ chức hội nghị đối thoại với doanh nghiệp được công 0,5 điểm nhưng tổng điểm không vượt mức điểm chuẩn.	4	- Diễn giải số lượng các khó khăn, vướng mắc cần giải quyết. - Điểm bằng: (số lượng khó khăn vướng mắc đã giải quyết/số khó khăn vướng mắc)*04 điểm.	- Báo cáo PCI quý I, 6 tháng đầu năm, quý III và năm của đơn vị. - Các báo cáo, văn bản khác của đơn vị chứng minh đã giải quyết được các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp	Phòng Tài chính - Kế hoạch
5	Kết quả giải quyết thủ tục hành chính đúng hạn và trước hạn (Tỷ lệ % hồ sơ giải quyết đúng hạn và trước hạn/tổng số hồ sơ đã giải quyết x điểm tối đa /100)	5	Tỷ lệ % hồ sơ giải quyết đúng hạn và trước hạn: Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa, trong đó: - a là tổng số hồ sơ đã giải quyết - b là tổng số hồ sơ đã giải quyết đúng và trước hạn Tỷ lệ b/a < 0.95 thì đánh giá 0 điểm.	-Số liệu hồ sơ tiếp nhận trên Hệ thống Một cửa điện tử được truy xuất tại Mẫu báo cáo 06a https://motcua.quangtri.gov.vn/quangtri/baocautoantinhv3 - Kèm theo ảnh chụp màn hình số liệu trên Hệ thống để kiểm chứng;	Văn phòng HĐND và UBND huyện
6	Kết quả thực hiện các tiêu chí liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị theo chỉ số thành phần PAPI, SIPAS (theo kết quả PAPI, SIPAS năm trước của tỉnh) và các biện pháp,	4	- Kết quả thực hiện: 3 điểm + 100% tiêu chí liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị tăng xếp hạng hoặc đạt top 20 của cả nước: 3 điểm; + Dưới 100% tính điểm theo tỷ lệ số tiêu chí	- Đơn vị tự đánh giá theo kết quả Chỉ số PAPI, SIPAS cấp tỉnh của năm trước năm đánh giá;	Phòng Nội vụ

	giải pháp khắc phục của cơ quan, đơn vị.		tăng xếp hạng hoặc đạt top 20/số tiêu chí liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị * điểm tối đa - Biện pháp, giải pháp khắc phục để duy trì hoặc cải thiện: 1 điểm + Số biện pháp thực hiện liên quan đến các nội dung đã đạt được kết quả duy trì hoặc cải thiện/ tổng số biện pháp * điểm tối đa	- Sở Nội vụ tính điểm và b/c Hội đồng quyết định.	
7	Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp về giải quyết TTHC (<i>lấy kết quả khảo sát đánh giá nội dung này của Chỉ số CCHC cấp sở, huyện</i>)	4	Tính điểm theo tỷ lệ đạt được qua kết quả khảo sát * điểm tối đa	- Đơn vị tự đánh giá theo kết quả khảo sát được công bố; - Theo dõi của Sở Nội vụ	Văn phòng HĐND và UBND huyện
8	Kết quả thực hiện cam kết cải thiện các chỉ số của tỉnh của Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố ký với Chủ tịch UBND, Trưởng Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính tỉnh	5	Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa, trong đó: - a là tổng số nội dung cam kết - b là tổng số nội dung cam kết thực hiện đạt và vượt.	- Văn bản ký cam kết của đơn vị; - BC kết quả thực hiện cam kết (BC lồng ghép trong BC CCHC năm); - Theo dõi của Sở Nội vụ và các đơn vị liên quan.	- Văn phòng HĐND và UBND huyện - Phòng Nội vụ
VI	ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN SỐ VÀ ĐẢM BẢO AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN HCNN (<i>Theo Kế hoạch số 5884/KH-UBND ngày 21/12/2020 của UBND tỉnh</i>).	25			
1	Hồ sơ công việc được xử lý trên môi	5	- Năm 2023: Tỷ lệ % của VB đến đã xử	<i>Số liệu được thống kê</i>	- Văn phòng HĐND

	trường mạng, trừ hồ sơ xử lý theo văn bản mật (theo quy trình từ nhận văn bản, xử lý văn bản đến trình xử lý văn bản và ký số trên môi trường mạng)		lý/Tổng số VB đến: + Đạt 60% trở lên tính điểm theo công thức: Tỷ lệ % thực hiện x điểm tối đa + Đạt dưới 60%: 0 điểm - Năm 2024-2025: Tỷ lệ % của VB đến được xử lý/Tổng số VB đến: + Đạt từ 80% trở lên tính điểm theo công thức: Tỷ lệ % thực hiện x điểm tối đa + Đạt dưới 80%: 0 điểm	trên Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc	và UBND huyện
2	Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp	10			- Văn phòng HĐND và UBND huyện
a	Tỷ lệ hồ sơ DVCTT	4	Tính theo công thức: (b/a) *điểm tối đa, trong đó: - a là tổng số hồ sơ trực tiếp và trực tuyến của toàn bộ TTHC - b là hồ sơ trực tuyến của các DVCTT toàn trình và một phần Nếu b/a < 30% thì điểm đánh giá là 0 Lưu ý: Đối với 2 huyện Hướng Hóa và Đakrông thì cộng thêm 0,2 điểm, đảm bảo tổng điểm đạt được không vượt quá 1 điểm	Báo cáo thống kê số liệu dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống Một cửa điện tử tỉnh: (thống kê từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/6/2023) https://motcua.quangtri.gov.vn/quangtri/bc_ds_dvc_new	
b	Tỷ lệ DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	2	Tính điểm theo công thức: (b/a) *điểm tối đa, trong đó: - a là tổng số DVCTT toàn trình và một phần có phát sinh hồ sơ - b là tổng số DVCTT toàn trình và một phần có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Báo cáo thống kê số liệu dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống Một cửa điện tử tỉnh: (thống kê từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/6/2023) https://motcua.quangtri.gov.vn/quangtri/bc_d	

				s_dvc_new	
c	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	4	<p>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - a là Tổng số hồ sơ giải quyết của DVCTT toàn trình (gồm cả trực tuyến và không trực tuyến) - b là số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVC trực tuyến toàn trình (không sử dụng bản giấy) <p>Lưu ý: Đối với 2 huyện Hướng Hóa và Đakrông thì cộng thêm 0,2 điểm, đảm bảo tổng điểm đạt được không vượt quá 0,5 điểm.</p>	<p>Báo cáo thống kê số liệu dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống Một cửa điện tử tỉnh: (thống kê từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/6/2023)</p> <p>https://motcua.quangtrigov.vn/quangtri/bc_ds_dvc_new</p>	
3	Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo đúng quy định về nội dung và thời gian tại hệ thống báo cáo kinh tế - xã hội của tỉnh	5	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Gửi đầy đủ các nội dung báo cáo theo quy định tại Quyết định số 708/QĐ-UBND ngày 26/3/2021 của UBND tỉnh. - Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + a là tổng số kỳ phải cập nhật báo cáo + b là số kỳ đã cập nhật báo cáo đúng quy định. <p>Nếu tỷ lệ $b/a < 0.6$ thì điểm đánh giá là 0</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả gửi báo cáo trên hệ thống thông tin báo cáo tỉnh https://bcktxh.quangtrigov.vn/ - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh 	- Phòng Tài chính – Kế hoạch
4	Có hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung	5	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu không có HTTT, CSDL hoặc nếu có HTTT, CSDL nhưng không được kết nối, chia sẻ dùng chung trong nội bộ huyện, thị xã, thành phố: 0 điểm - Nếu có HTTT, CSDL được kết nối, chia sẻ dùng chung trong nội bộ huyện, thị xã, thành phố tính theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$; trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + a là tổng số HTTT, CSDL của huyện, thị xã, thành phố + b là số các HTTT, CSDL được kết nối, chia sẻ dùng chung trong nội bộ huyện, thị xã, thành phố 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của huyện, thị xã, thành phố; -Địa chỉ truy cập (nếu có) -Các tài liệu liên quan khác. 	- Phòng Văn hoá – Thông tin

VII ĐIỂM CỘNG	10			
<p>Có thành tích xuất sắc hoặc có sáng kiến, giải pháp mới trong thực hiện nhiệm vụ mang lại hiệu quả cao trong quản lý nhà nước, thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng để giải ngân vốn đầu tư công, cải thiện và nâng cao các chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, cải cách hành chính, hiệu quả quản trị hành chính công, sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, ứng dụng CNTT phát triển chính quyền số, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và địa phương được UBND tỉnh ghi nhận (Mỗi sáng kiến, giải pháp hoặc đề xuất được cộng 3 điểm, tổng điểm cộng không quá 6 điểm).</p>	6	<p>Mỗi sáng kiến, giải pháp hoặc đề xuất được cộng 3 điểm, tổng điểm cộng không quá 6 điểm.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản, tài liệu giả trình, chứng minh kết quả đạt được của đơn vị; - Kết quả theo dõi của các đơn vị phụ trách theo lĩnh vực 	<p>Tất cả các phòng ban, đơn vị</p>
<p>Cộng điểm các cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh giao từ 300 nhiệm vụ trở lên, thực hiện đúng và trước hạn 100%</p>	2		<ul style="list-style-type: none"> - Tự đánh giá của đơn vị; - Kết quả theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh 	<p>Văn phòng HĐND và UBND huyện</p>
<p>Giải ngân vốn đầu tư công của năm trước liền kề đối với các đơn vị thực hiện chưa đạt 100% tại thời điểm đánh giá (mốc thời gian 31/01 của năm sau theo quy định): các đơn vị giải ngân đạt 100%</p>	2		<ul style="list-style-type: none"> - Tự đánh giá của đơn vị; - Kết quả theo dõi của Sở Kế hoạch và Đầu tư 	<p>Phòng Tài chính – Kế hoạch</p>
<p>TỔNG CỘNG: I+II+III+IV+V+VI+VII</p>	350			

VIII	ĐIỂM TRỪ				Tất cả các phòng ban, đơn vị
1	Tham mưu ban hành hoặc ban hành văn bản trái quy định, bị đình chỉ, bãi bỏ bằng quyết định của cơ quan có thẩm quyền, mỗi văn bản trừ 03 điểm.		Mỗi văn bản trái quy định, bị đình chỉ, bãi bỏ bằng quyết định của cơ quan có thẩm quyền: Trừ 03 điểm	<ul style="list-style-type: none"> - Tự đánh giá của đơn vị - Theo dõi của Sở Tư pháp 	
2	Cơ quan, đơn vị bị Chủ tịch UBND tỉnh, hoặc cấp có thẩm quyền phê bình, khiển trách, nhắc nhở bằng văn bản trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, mỗi lần trừ 03 điểm.		Mỗi lần cơ quan, đơn vị bị Chủ tịch UBND tỉnh, hoặc cấp có thẩm quyền phê bình, khiển trách, nhắc nhở bằng văn bản trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao: Trừ 03 điểm.	<ul style="list-style-type: none"> - Tự đánh giá của đơn vị; - Theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh. 	
3	Cơ quan, đơn vị có đơn, thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền mà không giải quyết hoặc có giải quyết nhưng không kịp thời, không thỏa đáng dẫn đến đơn thư khiếu nại, tố cáo vượt cấp (<i>trừ đơn, thư nặc danh</i>) được cấp có thẩm quyền giải quyết mà kết quả giải quyết đúng như nội dung đơn, thư khiếu nại, tố cáo phản ánh, mỗi trường hợp trừ 03 điểm, đúng 01 phần trừ 1,5 điểm.		<p>Đơn, thư khiếu nại, tố cáo vượt cấp thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị (<i>trừ đơn, thư nặc danh</i>) đã được cấp trên có thẩm quyền giải quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng số trường hợp cấp trên có thẩm quyền giải quyết đúng toàn phần như nội dung đơn, thư khiếu nại, tố cáo phản ánh * -3 điểm; - Tổng số trường hợp cấp trên có thẩm quyền giải quyết đúng một phần như nội dung đơn, thư khiếu nại, tố cáo phản ánh * -1,5 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản phản hồi của cấp trên có thẩm quyền giải quyết các trường hợp khiếu nại, tố cáo vượt cấp (nếu có). - Kết quả theo dõi của Thanh tra tỉnh 	
4	Cơ quan, đơn vị không tập trung giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền, dẫn đến có đơn thư khiếu kiện đông người (từ 05 người trở lên) lên cấp tỉnh, trung ương, mỗi trường hợp trừ 05 điểm.		Tổng số trường hợp khiếu kiện đông người (từ 05 người trở lên) lên cấp tỉnh, trung ương (do đơn vị không tập trung giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền) * -5 điểm	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản phản hồi của cấp trên có thẩm quyền giải quyết các trường hợp khiếu kiện đông người (nếu có). - Kết quả theo dõi của Thanh tra tỉnh 	

5	<p>CBCCVC của cơ quan và các đơn vị trực thuộc vi phạm trong thi hành công vụ, đạo đức, lối sống, những điều đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức không được làm, pháp luật của nhà nước, bị xử lý kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên: Cán bộ lãnh đạo cấp Huyện: Mỗi trường hợp trừ 03 điểm; CBCCVC còn lại: Điểm trừ tính theo tỷ lệ của mỗi đối tượng.</p>	<p>CBCCVC của đơn vị vi phạm các nội dung quy định của tiêu chí bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - CBCC lãnh đạo cấp huyện bị kỷ luật: * -3 điểm/1 trường hợp - Lãnh đạo cấp phòng và tương đương, lãnh đạo cấp xã thuộc UBND cấp huyện bị xử lý kỷ luật so với tổng số lãnh đạo cấp phòng và tương đương, lãnh đạo cấp xã thuộc UBND cấp huyện hiện có: Tỷ lệ vi phạm dưới 0,5%: -2 điểm; Từ 0,5% đến dưới 1%: -4 điểm; Từ 1% đến 5%: - 6 điểm; Trên 5%: 0 điểm - CCVC không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý bị xử lý kỷ luật so với tổng số CCVC không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý hiện có: Tỷ lệ vi phạm dưới 0,5%: -2 điểm; Từ 0,5% đến dưới 1%: -4 điểm; Từ 1% đến 5%: - 6 điểm; Trên 5%: 0 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC, báo cáo kết quả về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong CQ HCNN các cấp. - Kết quả theo dõi của Sở Nội vụ phối hợp với các đơn vị liên quan 	
6	<p>Trong năm, cơ quan, đơn vị có sai phạm phát hiện qua hoạt động thanh tra thì trừ 5 điểm; chuyển vụ việc sang cơ quan điều tra thì trừ 15 điểm.</p>	<p>Có sai phạm qua hoạt động thanh tra, kiểm tra: -5 điểm</p> <p>Có sai phạm qua hoạt động thanh tra, kiểm tra, vụ việc được chuyển sang cơ quan điều tra: -15 điểm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kết luận thanh tra; Văn bản chuyển vụ việc sang cơ quan điều tra; - Kết quả theo dõi của Thanh tra tỉnh 	